

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2017

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” **theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2017**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương T.N.T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: tổ 31 ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Q.B, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 29 đường T, tổ 4 khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương T.N.T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Q.B quen biết nhau vào đầu năm 2003, sau đó phát sinh tình cảm, quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận

kết hôn số 72 quyển số I/2005 ngày 13 tháng 10 năm 2005. Hôn nhân giữa bà và ông B là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông B bất đồng về quan điểm sống, ông B không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ đó tình cảm giữa ông bà ngày càng phai nhạt. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Do vậy bà về nhà mẹ đẻ của bà sống, ly thân với ông B từ ngày 10/10/2015 cho đến nay. Sau khi ly thân cả hai không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với ông B nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà và ông B có hai người con chung là Nguyễn P.G.N, sinh ngày: 10/9/2007 và Nguyễn G.K, sinh ngày: 17/11/2009 hiện đang ở với ông B. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu N và K đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giao hai con N và K cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B nhiều lần để tham gia làm việc và phiên tòa xét xử, tuy nhiên ông B vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Dương T.N.T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Q.B và giải quyết vấn đề về con chung giữa bà và ông B nên xác định vụ việc trên thuộc loại quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Q.B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

Bà Dương T.N.T và ông Nguyễn Q.B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân của bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thì bà T và ông B chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian khoảng 08 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 10/2015 cho đến nay bà T sống ly thân với ông B.

Xét trong mỗi gia đình thì cả hai vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng đối với bà T và ông B thì do mâu thuẫn nên cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn và phải sống ly thân. Mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông B để hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử với mục đích tạo điều kiện cho bà T và ông B quay về chung sống đoàn tụ cùng nhau nhưng ông B đã không có mặt, điều đó thể hiện ông B không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông B đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: bà T và ông B có hai người con chung là: Nguyễn P.G.N, sinh ngày 10/9/2007 và Nguyễn G.K, sinh ngày 17/11/2009 hiện đang ở với ông B. Bà T có yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, sau đó lại thay đổi yêu cầu

khởi kiện đồng ý giao hai con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/2 con.

Xét đây là sự tự nguyện của bà T, phù hợp với nguyện vọng con chung, mặt khác ông B là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi cháu N và K. Do đó yêu cầu của bà T về việc giao hai con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với ông B khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã không có ý kiến gì về việc này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương T.N.T

- Về quan hệ hôn nhân: bà Dương T.N.T và ông Nguyễn Q.B được ly hôn.

- Về con chung: ông Nguyễn Q.B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn P.G.N, sinh ngày 10/9/2007 và cháu Nguyễn G.K, sinh ngày 17/11/2009 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T. Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/ tháng/ hai con cho đến khi hai cháu K và N đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bà Dương T.N.T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.
- Về án phí: áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Dương T.N.T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí cho yêu cầu ly hôn và nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003283 ngày 21/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên bà T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2017) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường L, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Thương